

Số: 36/2016/NQ-HĐND18

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**V/v Ban hành Quy định một số chế độ chi tiêu phục vụ hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bắc Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ BA**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;
- Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy định về một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Quốc hội;
- Căn cứ Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.
- Căn cứ Văn bản số 755/VPQH-KHTC, ngày 22/4/2013 của Văn phòng Quốc hội về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết 524/2012/UBTVQH13 và ý kiến của Bộ Tài chính tại Văn bản số 16561/BTC-HCSN ngày 27/11/2012 về việc áp dụng Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH để xây dựng chế độ chi tiêu phục vụ các hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Sau khi xem xét Tờ trình số 12/TTr-TTHĐND18 ngày 02/12/2016 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị ban hành: “Quy định một số chế độ chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bắc Ninh”; kết quả thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này “Quy định một số chế độ chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bắc Ninh”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết.

2. Các quy định về chế độ, định mức chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp được đảm bảo thực hiện từ ngân sách nhà nước giao hàng năm. Đối tượng được hưởng thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo.

Điều 3. Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XVIII, kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 08/12/2016 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 118/NQ-HĐND17 ngày 24/4/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, và Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND18 ngày 15/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 118/NQ-HĐND17 ngày 24/4/2014 quy định một số chế độ chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bắc Ninh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; CP (b/c);
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Nội vụ (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- VKSND, TAND tỉnh;
- Các Ban HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TTHĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo, Đài PTTH, Công TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: LĐVP, phòng Tổng hợp, lưu VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hương Giang



QUY ĐỊNH

Một số chế độ chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bắc Ninh

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2016/NQ-HĐND18

Ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Bắc Ninh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Bao gồm hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, lãnh đạo và cán bộ Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân cấp huyện, cán bộ cấp xã trực tiếp giúp việc Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Điều 2. Nguyên tắc chung:

1. Việc thanh quyết toán kinh phí phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp phải có trong dự toán được giao, đảm bảo thống nhất chế độ, định mức, đối tượng chi trên cơ sở Quy định này và các quy định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Việc chi phục vụ cho đoàn công tác của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và cá nhân các cơ quan khác tham gia đoàn công tác của Hội đồng nhân dân do Hội đồng nhân dân cấp triệu tập đảm bảo.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp, căn cứ dự toán được giao hàng năm và tình hình hoạt động thực tế của Hội đồng nhân dân cấp mình để quyết định mức chi cho phù hợp, nhưng không vượt quá mức chi tiêu của quy định này. Đảm bảo hiệu quả, công khai, minh bạch, thực hiện tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí.

4. Các chế độ chi trong Quy định này là một trong những căn cứ để xây dựng dự toán chi ngân sách hàng năm của Hội đồng nhân dân các cấp.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Công tác phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân:

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân nghiên cứu tài liệu, tham gia nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân: Cấp tỉnh 500.000 đồng/người/kỳ họp; cấp huyện 300.000 đồng/người/kỳ họp; cấp xã 200.000 đồng/người/kỳ họp.

2. Chuẩn bị tài liệu, soạn thảo các báo cáo, đề án, tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân (chuẩn bị tài liệu, dự thảo, chỉnh

sửa, ký duyệt): Cấp tỉnh tối đa 1.500.000 đồng/báo cáo, đề án, tờ trình; cấp huyện tối đa 700.000 đồng/báo cáo, đề án, tờ trình; cấp xã tối đa 300.000 đồng/báo cáo, đề án, tờ trình. Nếu là văn bản sửa đổi, bổ sung thì được chi bằng 70% của mức trên.

3. Xây dựng báo cáo 6 tháng, báo cáo năm, báo cáo chuyên đề; báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ, báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân trình kỳ họp: Cấp tỉnh tối đa 2.000.000 đồng/báo cáo; cấp huyện tối đa 1.000.000 đồng/báo cáo; cấp xã tối đa 500.000 đồng/báo cáo.

4. Tổng hợp ý kiến phát biểu của các Tổ thảo luận trình kỳ họp Hội đồng nhân dân: Cấp tỉnh tối đa 2.000.000 đồng/báo cáo; cấp huyện tối đa 1.000.000 đồng/báo cáo; cấp xã tối đa 500.000 đồng/báo cáo.

5. Công tác hoàn thiện nghị quyết khi được Hội đồng nhân dân thông qua, ký ban hành nghị quyết: Cấp tỉnh tối đa 800.000 đồng/ng nghị quyết; cấp huyện tối đa 500.000 đồng/ng nghị quyết; cấp xã tối đa 300.000 đồng/ng nghị quyết.

6. Tiền ăn đại biểu Hội đồng nhân dân, khách mời, cán bộ, nhân viên phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân: Cấp tỉnh tối đa 200.000 đồng/người/ngày; cấp huyện tối đa 150.000 đồng/người/ngày; cấp xã tối đa 120.000 đồng/người/ngày. Nếu là hội nghị sơ kết năm, sơ kết giữa nhiệm kỳ, tổng kết nhiệm kỳ; mức chi bằng 1,5 lần mức chi trên.

7. Xây dựng báo cáo, đề án, tờ trình của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân trình cấp có thẩm quyền; mức chi tối đa 700.000 đồng/báo cáo, đề án, tờ trình.

8. Nước uống tại kỳ họp, hội nghị, hội thảo,... của Hội đồng nhân dân; thực hiện theo quy định chung của tỉnh.

Điều 4. Hoạt động thẩm tra báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết:

1. Chi họp:

a. Người chủ trì cuộc họp: Cấp tỉnh 200.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 150.000 đồng/người/buổi; cấp xã 100.000 đồng/người/buổi.

b. Các thành viên dự họp (theo giấy mời): Cấp tỉnh 100.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 70.000 đồng/người/buổi; cấp xã 50.000 đồng/người/buổi.

c. Cán bộ, nhân viên phục vụ: Cấp tỉnh 80.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 50.000 đồng/người/buổi; cấp xã 30.000 đồng/người/buổi.

2. Viết báo cáo kết quả thẩm tra: Cấp tỉnh tối đa 800.000 đồng/báo cáo; cấp huyện tối đa 500.000 đồng/báo cáo; cấp xã tối đa 300.000 đồng/báo cáo.

Điều 5: Hoạt động tiếp xúc cử tri:

1. Hỗ trợ mỗi điểm tiếp xúc cử tri (trang trí, thuê địa điểm, loa đài, nước uống, bảo vệ, ...): Cấp tỉnh 2.000.000 đồng/điểm; cấp huyện: 1.000.000 đồng/điểm; cấp xã: 800.000 đồng/điểm.

2. Hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân chuẩn bị tài liệu, viết báo cáo tiếp xúc cử tri (cho 01 đợt tiếp xúc cử tri): Cấp tỉnh 500.000 đồng/đại biểu; cấp huyện 200.000 đồng/đại biểu; cấp xã 100.000 đồng/đại biểu.

3. Bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân; đại diện chính quyền, tổ chức, đoàn thể được cử dự hội nghị tiếp xúc cử tri: Cấp tỉnh 100.000 đồng/người/điểm; cấp huyện 70.000 đồng/người/điểm; cấp xã 50.000 đồng/người/điểm.

4. Bồi dưỡng cán bộ, nhân viên phục vụ tiếp xúc cử tri: Cấp tỉnh 80.000 đồng/người/điểm; cấp huyện 50.000 đồng/người/điểm; cấp xã 30.000 đồng/người/điểm.

5. Tập hợp, viết báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri của các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân gửi Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp: Cấp tỉnh tối đa 500.000 đồng/báo cáo/đợt; cấp huyện tối đa 300.000 đồng/báo cáo/đợt; cấp xã tối đa 200.000 đồng/báo cáo/đợt.

6. Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân: Cấp tỉnh tối đa 2.000.000 đồng/báo cáo; cấp huyện tối đa 1.000.000 đồng/báo cáo; cấp xã tối đa 500.000 đồng/báo cáo.

Điều 6. Hoạt động giám sát, khảo sát:

Ngoài chế độ công tác phí theo quy định hiện hành, đoàn giám sát, khảo sát được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân được chi như sau:

1. Công tác chuẩn bị (chuẩn bị tài liệu; soạn thảo quyết định thành lập đoàn; xây dựng nội dung, kế hoạch giám sát, khảo sát): Cấp tỉnh tối đa 1.000.000 đồng/đợt giám sát, khảo sát; cấp huyện tối đa 500.000 đồng/đợt giám sát, khảo sát; cấp xã tối đa 300.000 đồng/đợt giám sát, khảo sát;

2. Chi bồi dưỡng:

a. Trưởng đoàn giám sát: Cấp tỉnh 200.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 150.000 đồng/người/buổi; cấp xã 100.000 đồng/người/buổi.

b. Thành viên, chuyên viên giúp việc đoàn giám sát và đại biểu mời tham gia đoàn giám sát: Cấp tỉnh 100.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 70.000 đồng/người/buổi; cấp xã 50.000 đồng/người/buổi.

c. Cán bộ, nhân viên phục vụ đoàn giám sát: Cấp tỉnh 80.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 50.000 đồng/người/buổi; cấp xã 30.000 đồng/người/buổi.

3. Tổng hợp, viết báo cáo kết quả giám sát, khảo sát (tổng hợp, viết báo cáo, chỉnh sửa, ký duyệt báo cáo): Cấp tỉnh tối đa 1.500.000 đồng/báo cáo; cấp huyện tối đa 700.000 đồng/báo cáo; cấp xã tối đa 400.000 đồng/báo cáo.

Đoàn giám sát, khảo sát do các Ban của Hội đồng nhân dân tổ chức, mức chi tối đa bằng 80% mức chi cho Đoàn của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

4. Chuẩn bị chương trình giám sát năm của Hội đồng nhân dân; báo cáo kết quả giám sát, khảo sát của Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân (chuẩn bị tài liệu, số liệu, dự thảo, chỉnh sửa, ký duyệt): Cấp tỉnh tối đa 2.000.000 đồng/báo cáo; cấp huyện tối đa 1.000.000 đồng/báo cáo; cấp xã tối đa 500.000 đồng/báo cáo.

Điều 7. Tổ chức tập huấn, hội thảo, hội nghị:

Các cuộc họp hội thảo chuyên đề; tập huấn; tham vấn; chất vấn; hội nghị lấy ý kiến đóng góp vào các dự án luật, các văn bản khác của cơ quan Trung ương; hội nghị giao ban của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân được áp dụng như sau:

1. Chi họp:

a. Người chủ trì: Cấp tỉnh 200.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 150.000 đồng/người/buổi; cấp xã 100.000 đồng/người/buổi.

b. Các đại biểu tham dự theo giấy mời: Cấp tỉnh 100.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 70.000 đồng/người/buổi; cấp xã 50.000 đồng/người/buổi.

c. Cán bộ, nhân viên phục vụ: Cấp tỉnh 80.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 50.000 đồng/người/buổi; cấp xã 30.000 đồng/người/buổi.

Trường hợp không chi bồi dưỡng cho người chủ trì; đại biểu tham dự; cán bộ, nhân viên phục vụ... mà tổ chức ăn tập trung, mức chi áp dụng như chế độ ăn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.

2. Viết bài tham luận báo cáo tại hội thảo, tập huấn, tham vấn bằng văn bản: Cấp tỉnh tối đa 500.000 đồng/báo cáo; cấp huyện tối đa 300.000 đồng/báo cáo; cấp xã tối đa 200.000 đồng/báo cáo.

3. Viết báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia tại hội thảo, tập huấn, tham vấn: Cấp tỉnh tối đa 800.000 đồng/báo cáo; cấp huyện tối đa 400.000 đồng/báo cáo; cấp xã tối đa 200.000 đồng/báo cáo.

4. Chi cho việc trao đổi công tác và học tập kinh nghiệm hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân theo quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp; mức chi như chế độ đi công tác theo quy định của nhà nước.

Điều 8. Tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo:

Chi theo quy định hiện hành, Nghị quyết số 55/2012/NQ-HĐND17 ngày 13/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 23/2013/QĐ-UBND ngày 22/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc Quy định chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ làm công tác tiếp dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh.

Điều 9. Chế độ của đại biểu Hội đồng nhân dân:

1. Chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân, thực hiện theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, được hỗ trợ kinh phí hoạt động: Cấp tỉnh 3.000.000 đồng/người/năm; cấp huyện 2.000.000 đồng/người/năm; cấp xã 1.000.000 đồng/người/năm.

3. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được hỗ trợ kinh phí phục vụ cho các hoạt động của Tổ hàng quý. Mức chi: Tổ đại biểu Hội đồng

nhân dân tỉnh 1.000.000 đồng/đại biểu/quý; Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện 500.000 đồng/đại biểu/quý; Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã 300.000 đồng/đại biểu/quý.

Điều 10. Chi cho công tác xã hội:

1. Hỗ trợ thăm hỏi: Đại biểu Hội đồng nhân dân, cán bộ, nhân viên văn phòng trực tiếp phục vụ Hội đồng nhân dân ốm đau (không quá 2 lần/năm và áp dụng cho đối tượng không thuộc diện quản lý của cấp uỷ các cấp): Cấp tỉnh tối đa 1.000.000 đồng/lần; cấp huyện tối đa 500.000 đồng/lần; cấp xã tối đa 300.000 đồng/lần.

2. Trợ cấp khó khăn: Đại biểu Hội đồng nhân dân bị bệnh hiểm nghèo, hoàn cảnh khó khăn, được chi trợ cấp (không quá 2 lần/năm), mức chi như sau: Cấp tỉnh tối đa 2.000.000 đồng/người; cấp huyện tối đa 1.000.000 đồng/người; cấp xã tối đa 500.000 đồng/người. Cán bộ, nhân viên Văn phòng trực tiếp phục vụ Hội đồng nhân dân được vận dụng bằng 70% mức quy định trên.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân nghỉ hưu hoặc chuyển công tác được tặng quà lưu niệm: Cấp tỉnh trị giá tối đa 1.500.000 đồng/người; cấp huyện trị giá tối đa 1.000.000 đồng/người; cấp xã trị giá tối đa 500.000 đồng/người. Cán bộ, nhân viên Văn phòng trực tiếp phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân được vận dụng bằng 70% mức quy định này.

4. Chi thăm viếng: Đại biểu Hội đồng nhân dân từ trần hoặc có cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con từ trần được Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp cử đại diện đến thăm viếng, có vòng hoa kèm theo số tiền: Cấp tỉnh 2.000.000 đồng; cấp huyện 1.000.000 đồng; cấp xã 500.000 đồng. Cán bộ, nhân viên Văn phòng trực tiếp phục vụ Hội đồng nhân dân được vận dụng bằng 70% mức quy định trên.

Điều 11. Một số chế độ chi khác:

1. Trang bị cho đại biểu Hội đồng nhân dân đầu nhiệm kỳ (huy hiệu, cặp công tác, sổ, bút,...) để phục vụ hoạt động của đại biểu: Cấp tỉnh trị giá tối đa 2.000.000 đồng/người; cấp huyện trị giá tối đa 1.000.000 đồng/người; cấp xã trị giá tối đa 500.000 đồng/người.

2. Chế độ trang phục đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp: Trong nhiệm kỳ, mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp tiền may 02 bộ trang phục (lễ phục): Cấp tỉnh tối đa 4.000.000 đồng/người/bộ; cấp huyện tối đa 3.000.000 đồng/người/bộ; cấp xã tối đa 2.500.000 đồng/người/bộ (nếu đại biểu tham gia 2 cấp Hội đồng nhân dân thì được hưởng một mức cao nhất).

Cán bộ, nhân viên Văn phòng trực tiếp phục vụ Hội đồng nhân dân được cấp tiền may 02 bộ trang phục (lễ phục) trong nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân: Cấp tỉnh tối đa 3.000.000 đồng/người/bộ; cấp huyện tối đa 2.500.000 đồng/người/bộ; cấp xã tối đa 2.000.000 đồng/người/bộ.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân, cán bộ, nhân viên Văn phòng trực tiếp phục vụ Hội đồng nhân dân nghỉ dưỡng hè hàng năm được chi: Cấp tỉnh tối đa 2.000.000 đồng/người/năm; cấp huyện tối đa 1.000.000 đồng/người/năm; cấp xã tối đa 500.000 đồng/người/năm.

4. Tặng quà lưu niệm kết thúc nhiệm kỳ đại biểu Hội đồng nhân dân: Cấp tỉnh trị giá tối đa 2.000.000 đồng/người; cấp huyện trị giá tối đa 1.000.000 đồng/người; cấp xã trị giá tối đa 500.000 đồng/người. Cán bộ, nhân viên Văn phòng trực tiếp phục vụ Hội đồng nhân dân được vận dụng bằng 70% của đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp.

5. Chế độ sử dụng điện thoại: Thực hiện theo quy định hiện hành.

6. Chế độ tiếp khách: Thực hiện theo quy định của tỉnh.

7. Ngoài quy định trên, căn cứ vào yêu cầu công tác, điều kiện và nguồn kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân được cấp hàng năm, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp có thể xem xét, quyết định một số khoản chi khác đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp mình.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Tổ chức thực hiện:

1. Căn cứ chế độ, định mức chi tiêu hiện hành của nhà nước và Quy định về chế độ chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại quy định này, Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện để đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp kịp thời, thiết thực, hiệu quả.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có nội dung cần xem xét, sửa đổi, bổ sung, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.